

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
VIETNAM STEEL CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013
(Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở chính: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84. 4. 3856 1767

Fax: 84. 4. 3856 1815

Website: www.vnsteel.vn



MỤC LỤC

I. SƠ LƯỢC VỀ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP	3
1. Tên, địa chỉ của Tổng Công ty.....	3
2. Vốn điều lệ.....	3
3. Ngành nghề kinh doanh.....	3
4. Quá trình hình thành và phát triển	5
5. Cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013	15
1. Tình hình sản xuất kinh doanh.....	15
2. Tổ chức và nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư	21
4. Tình hình tài chính	23
5. Cơ cấu cổ đông.....	25
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	25
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.....	25
2. Tình hình tài chính	27
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	29
4. Kế hoạch năm 2014:.....	31
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	33
1. Những kết quả trong công tác điều hành năm 2013	33
2. Những định hướng quan trọng.....	35
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	35
1. Hội đồng quản trị	35
2. Ban kiểm soát.....	39
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	43
1. Ý kiến kiểm toán	43
2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	44

I. SƠ LƯỢC VỀ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

1. Tên, địa chỉ của Tổng Công ty

- Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**
- Tên tiếng Anh: **VIET NAM STEEL CORPORATION**
- Tên viết tắt: **VNSTEEL.CORP**
- Địa chỉ: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 84. 4. 3856 1767
- Fax: 84. 4. 3856 1815
- Website: www.vnsteel.vn

2. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng (*Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*)
- Trong đó: Vốn Nhà nước: 6.368.000.000.000 tỷ đồng chiếm 93,93%
- Số cổ phần: 678.000.000 cổ phần
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
 - Mã chứng khoán: TVN

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 02 năm 1996 (đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 9 năm 2011), Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Quảng cáo;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Điều hành tour du lịch;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Tái chế phế liệu;

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác than mỡ và các nguyên liệu phụ trợ dùng cho công nghiệp sản xuất thép;
- Bán buôn phế liệu kim loại, cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Đại lý du lịch;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Đại lý;
- Hoạt động thể thao khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Sản xuất máy luyện kim;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Dịch vụ logistic;
- Thiết kế, tư vấn thiết kế các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh các nguyên nhiên liệu, nhiên liệu cán thép, phế liệu kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

4. Quá trình hình thành và phát triển

4.1. Thành lập

Tổng công ty được hình thành qua các thời kỳ, gắn liền với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành công nghiệp luyện kim nói riêng. Đó là sự kết hợp, sáp nhập, hợp nhất nhiều doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong ngành sản xuất thép và kinh doanh kim khí của Nhà nước trong những thập kỷ qua.

Thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Tập đoàn kinh doanh ở một số Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (gọi tắt là Tổng công ty 91), ngày 29 tháng 4 năm 1995, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nặng và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Vật tư.

Nhiệm vụ chính của Tổng công ty là xây dựng và phát triển mô hình kinh doanh đa ngành với hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty bao gồm nhưng không hạn chế khai thác quặng sắt, than mỡ, nguyên liệu trợ dung; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép; xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị và trang thiết bị luyện kim, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật; thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp trang thiết bị công trình luyện kim và xây dựng dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và vật tư tổng hợp; đào tạo nghề, nghiên cứu khoa học công nghệ; đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế và hợp tác lao động với nước ngoài.

4.2. Cổ phần hóa

Ngày 31/12/2009, Văn Phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn Điều lệ”.

Căn cứ nội dung nêu trên, ngày 15/01/2010 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Sau khi có Quyết định cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo và Lãnh đạo Tổng công ty Thép Việt Nam đã khẩn trương thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa theo lộ trình đã đề ra.

Ngày 18/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 552/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Thực hiện Quyết định nêu trên, Tổng công ty Thép Việt Nam đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển thành Tổng công ty cổ phần. Kể từ ngày 29/9/2011, Tổng công ty Thép Việt Nam đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA VNSTEEL

**Huân chương
Độc lập Hàng Nhất**



**Huân chương
Độc lập Hàng Nhì**



**Huân chương
Độc lập Hàng Ba**



**Anh hùng
LLVT Nhân dân**



**Giải
Quả Cầu Vàng**



**Hàng Việt Nam
chất lượng cao**



**Cúp
Ngôi sao chất lượng**



**Cúp
Sen vàng**



**Cúp vàng thương hiệu ngành
xây dựng Việt Nam**



4.3. Các dấu mốc lịch sử

29/4/1995: Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất và sáp nhập nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong ngành sản xuất thép, trong đó có Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Thương Mại.

23/11/2006: Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

21/6/2007: Thủ tướng phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

01/7/2007: Chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

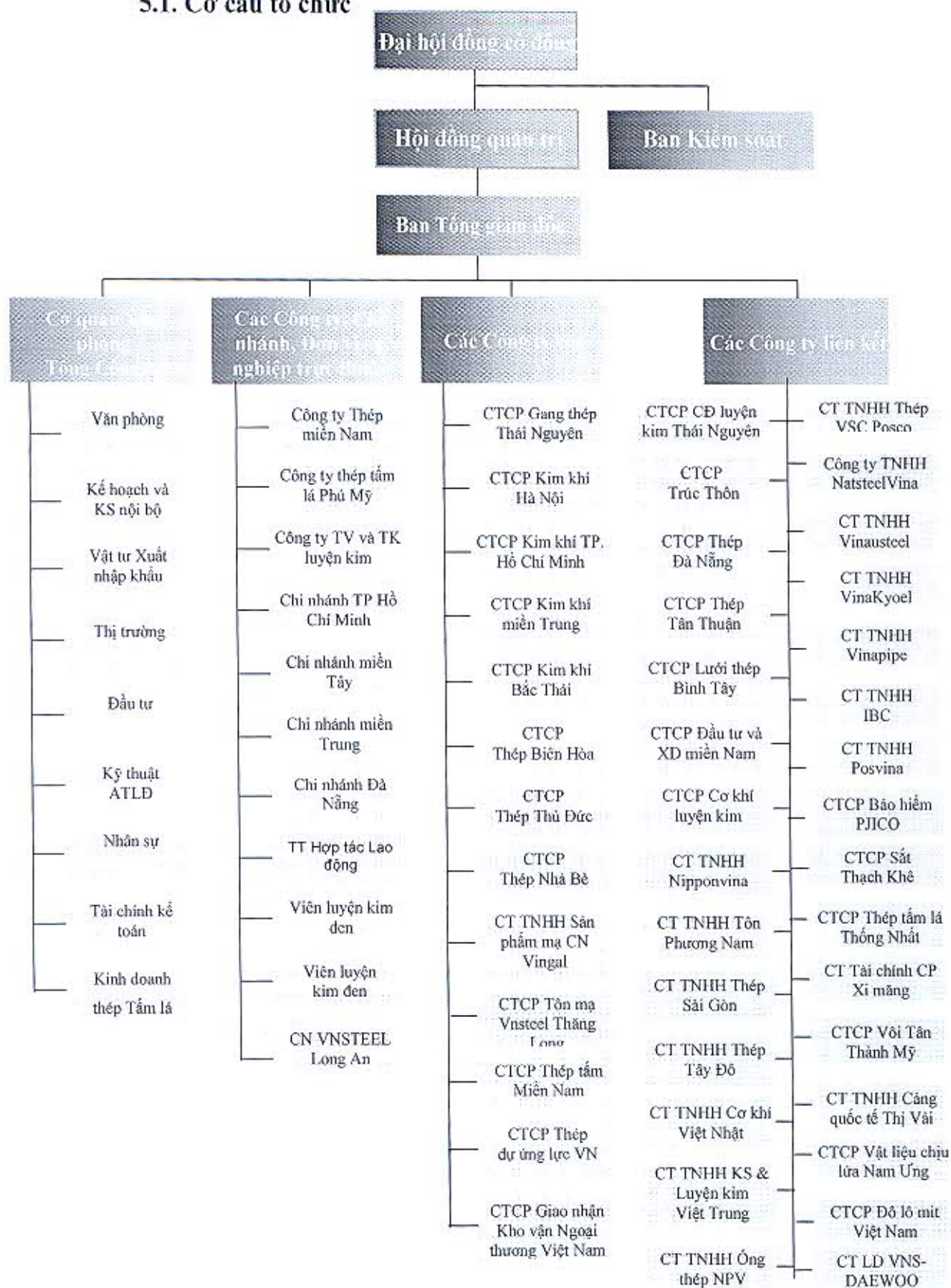
31/12/2009: Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ”.

15/01/2010: Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

29/9/2011: Tổng công ty Thép Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

5. Cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển

5.1. Cơ cấu tổ chức



5.2. Định hướng phát triển

Mục tiêu chiến lược:

Giữ vững là một trong những nhà sản xuất thép hàng đầu của Việt Nam, cung cấp sản phẩm thép chất lượng cao với năng lực cạnh tranh có hiệu quả, phát triển bền vững.

Sứ mệnh cốt lõi:

- Cung cấp sản phẩm thép chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển cơ sở hạ tầng và nền kinh tế đất nước.
- Đạt được vị thế cạnh tranh là một trong những nhà sản xuất có chi phí thấp nhất Việt Nam, tranh thủ lợi thế từ việc tích hợp nguyên liệu thô.
- Đáp ứng và vượt lên các nguyên tắc hướng tới khách hàng trong chất lượng sản phẩm và sự ưu việt của dịch vụ.
- Xây dựng môi trường làm việc hiệu quả, nâng cao thu nhập và tạo điều kiện phát triển cho tất cả mọi người.

Chiến lược tổng thể của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP :

Thiết lập một hệ thống sản xuất kinh doanh cốt lõi, xuyên suốt chuỗi giá trị, tích hợp từ nguyên liệu thô cho đến mạng lưới bán hàng và phân phối sản phẩm.

Chiến lược cạnh tranh của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đến 2020 là đi theo hướng:

- **Chi phí thấp:** dựa vào tích hợp nguyên liệu thô và sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, và

- **Khác biệt hóa sản phẩm:** chuyển dịch từng bước theo hướng chất lượng cao và đa dạng hóa các dòng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Cụ thể hóa mục tiêu trung hạn (2015) và dài hạn (đến 2020):

- Định hướng mục tiêu trong ngắn hạn đến 2015: *Tập trung vào việc củng cố lại hệ thống Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP bao gồm: thực hiện tái cấu trúc, cải thiện hệ thống quản lý, cải thiện hệ thống phân phối bán hàng, duy trì thị phần, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Khắc phục các khiếm khuyết hiện tại và tích tụ nguồn lực.*

- Định hướng mục tiêu trung hạn đến 2020: *Phát triển năng lực sản xuất thép dài để củng cố và giữ vững thị phần dẫn đầu ở mảng thép dài. Điều chỉnh hợp lý hóa lĩnh vực thép dẹt. Thiết lập hệ thống bán hàng và phân phối tập trung, có hiệu quả. Đạt năng lực cạnh tranh trong khu vực để phát triển bền vững.*

Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tiếp tục phát triển năng lực sản xuất thép dài để củng cố và giữ vững thị phần dẫn đầu ở mảng thép dài. Điều chỉnh hợp lý hóa lĩnh vực thép dẹt. Đồng thời, thiết lập hệ thống bán hàng và phân phối tập trung, có hiệu quả. Đạt năng lực cạnh tranh trong khu vực để phát triển bền vững.

- Do vậy trong mục tiêu kế hoạch phát triển sản xuất trong giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP cần thực hiện theo hướng:

- Sắp xếp, tạo lập các cơ sở sản xuất có tính tập trung cao hơn, tích hợp nhiều công đoạn sản xuất và tích hợp nguồn nguyên liệu.

- Có sự phân công chuyên môn hóa trong hệ thống, gắn kết và sử dụng sản phẩm của nhau trong hệ thống Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP. Đồng thời, phát triển sản phẩm mới trong các dự án đầu tư mới.

- Không đầu tư các dây chuyền sản xuất đơn lẻ, rời rạc. Rà soát, loại bỏ các cơ sở không còn hiệu quả và không có khả năng cạnh tranh. Xem xét thoái vốn tại các đơn vị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP không cần thiết nắm giữ và cũng không có mối liên hệ về chuỗi giá trị.

- Thiết lập một hệ thống sản xuất kinh doanh cốt lõi, xuyên suốt chuỗi giá trị, tích hợp từ nguyên liệu thô cho đến mạng lưới bán hàng và phân phối sản phẩm. Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP có kinh nghiệm chuyên sâu về sản xuất thép dài, có hạ tầng hệ thống phân phối bán hàng với độ bao phủ rộng, có khả năng tích hợp nguồn nguyên liệu quặng sắt, có cơ hội thị trường phát triển. Vì vậy, chiến lược phát triển công suất cần tập trung vào thép dài và tối đa hóa tích hợp nguyên liệu thô, tăng năng lực cạnh tranh về chi phí. Đồng thời xem xét điều chỉnh danh mục dự án cho từng giai đoạn để phù hợp với khả năng của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

- Để đạt được mục tiêu này, Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP cần tiếp tục các dự án đầu tư sau trong giai đoạn 2016 - 2020:

Đối với thép dài giai đoạn 2016 - 2020

+ Tiếp tục triển khai đầu tư dây chuyền cán thép 500.000 tấn/năm tại Nhà máy Thép Lào Cai. Đồng thời, nghiên cứu đầu tư mở rộng Nhà máy Gang thép Lào Cai giai đoạn 2, công suất 1.000.000 - 1.500.000 tấn/năm phôi vuông, với lò cao 1.350 m³, dựa trên lợi thế của mỏ Quý Xa.

+ Cải tạo, nâng công suất Công ty Thép Miền Nam ở mức tối ưu (dự kiến khoảng 600 - 700.000 tấn phôi và 500.000 tấn thép cán/năm) để phát huy lợi thế chi phí hạ tầng sẵn có, giảm thiểu chi phí đầu tư bổ sung.

+ Đóng cửa các Nhà máy Thép Thủ Đức, Nhà máy Thép Biên Hòa theo lộ trình và nghiên cứu việc di dời theo hướng đầu tư mới nhà máy cán thép công suất 500.000 tấn/năm hoạt động trên cơ sở mua phôi từ nguồn có giá cạnh tranh. Nghiên cứu khả năng kết hợp di dời với nâng cấp cải tạo chuyển hướng sang sản xuất thép chất lượng cao (thép PC, hợp kim, thép đặc biệt...)

Đối với thép dẹt giai đoạn 2016 - 2020

+ Nghiên cứu đầu tư bổ sung để mở rộng, đa dạng hóa các sản phẩm mạ của VNSTEEL - Thăng Long theo hướng sản phẩm có giá trị cao.

+ Nghiên cứu sắp xếp lại khu vực CRC. Trong đó xem xét các khả năng: bán, thoái vốn tại Công ty Thép Tấm lá Phú Mỹ và Công ty cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất.

+ Với các dự án nêu trên mục tiêu phát triển công suất của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đến năm 2020 có thể đạt được như bảng dưới đây.

	Mục tiêu phát triển sản xuất
Đến 2015	
Phôi thép vuông	2,0 triệu tấn
Thép cán dài	2,0 triệu tấn
Thép cán nguội	0,6 triệu tấn
Đến 2020	
Phôi thép vuông	2,8 ~ 3,4 triệu tấn
Thép cán dài	~3,2 triệu tấn
Thép cán nguội	0,6 triệu tấn

5.3. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

a) Phương hướng, nhiệm vụ:

- Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP cần xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật và định hướng theo những chuẩn mực và thông lệ áp dụng tốt nhất.

- Ban điều hành cần xây dựng các phòng ban tham mưu đủ mạnh, đủ tin cậy, hoàn thiện và giám sát quy trình triển khai công việc. Cần tuân thủ đúng quy trình xử lý công việc theo chức năng nhiệm vụ của từng cấp quản lý. Cả hệ

thống cần tăng cường chức năng kiểm tra kiểm soát, để đảm bảo các hoạt động được thực hiện đúng quy định, đúng tiến độ và đạt chất lượng.

- Một vấn đề rất đáng được quan tâm và đó là việc xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên viên quản lý đủ năng lực và trình độ để thực thi tốt nhiệm vụ ở các cấp quản lý cũng như thực hiện vai trò đại diện vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại các Công ty con, liên kết.

b) Giải pháp thực hiện:

Để đạt được các mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2016 - 2020, Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP cần thực hiện đồng bộ và nhất quán 6 nhóm giải pháp sau:

**** Giải pháp về nâng cao hiệu suất vận hành:***

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp cải tiến quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu suất vận hành của các nhà máy hiện có và các nhà máy mới.
- Thực hành tiết kiệm triệt để, giảm giá thành sản xuất, các chi phí sản xuất tương đương đối thủ cạnh tranh.
- Thực hiện áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, các công nghệ tiết kiệm năng lượng.

**** Giải pháp về đầu tư:***

- Thúc đẩy các dự án đang triển khai, đặc biệt quan tâm và tìm kiếm các giải pháp hỗ trợ như: kỹ năng quản lý dự án; kiểm soát chất lượng, tiến độ, chi phí.
- Nghiên cứu việc mở rộng Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung giai đoạn 2 với lò cao 1.350 m³ và dây chuyền cán thép 500.000 tấn /năm.
- Nghiên cứu và triển khai phương án nâng công suất Công ty Thép Miền Nam. Nghiên cứu các phương án di dời và đầu tư thay thế Nhà máy Thủ Đức, Nhà máy Biên Hòa.
- Phân tích đánh giá thị trường và nghiên cứu ý tưởng về đa dạng hóa sản phẩm mới (thép chất lượng cao, thép PC, thép hình...).
- Nâng cao năng lực lập kế hoạch và giám sát thực hiện đầu tư. Nâng cao khả năng phân tích, đánh giá, lựa chọn dự án thật sự hiệu quả và có các lợi thế so sánh. Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng và chi phí.
- Tìm kiếm các khả năng đa dạng hóa phương thức đầu tư: liên doanh liên kết, mua bán, sáp nhập (M&A), đầu tư mới, đầu tư nâng cấp v.v...

**** Giải pháp tài chính:***

- Trong ngắn hạn cần tập trung cân đối, bù đắp và ổn định dòng tiền dài hạn. Khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính. Đồng thời tăng cường, cải tiến

công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để tạo lập được tích lũy từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

- Đối với nhu cầu vốn cho dự án Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung mở rộng: cần có giải pháp tận dụng tối đa lợi nhuận tích lũy để lại để tái đầu tư, hạn chế góp vốn bổ sung. Do vậy việc triển khai thực hiện dự án cần theo lộ trình từng bước phù hợp với khả năng huy động vốn.

- Tích cực triển khai các kênh huy động vốn cho đầu tư phát triển như: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ; Phát hành trái phiếu; Cơ cấu danh mục đầu tư, rà soát, bán tài sản; Vay vốn từ các tổ chức tín dụng; Kêu gọi liên doanh, liên kết....

** Giải pháp về bán hàng, phân phối:*

- Tiến hành sắp xếp lại hệ thống bán hàng theo hướng chuyên môn hóa. Sắp xếp lại các Chi nhánh tại các khu vực thị trường, phân vùng địa lý, phân định khách hàng hợp lý, tránh chồng chéo, cạnh tranh nội bộ.

- củng cố Ban Thị trường với chức năng là Trung tâm điều phối, có vai trò xây dựng các chính sách bán hàng, chính sách giá, chính sách hỗ trợ khách hàng, bảo đảm tính nhất quán và linh hoạt.

- Xây dựng cơ chế và tổ chức phối hợp giữa các đơn vị sản xuất và lưu thông trong hệ thống, đẩy mạnh tiêu thụ, duy trì cung cố và phát triển thị phần.

- Nghiên cứu mô hình và xây dựng hệ thống phân phối theo hướng tiến gần hơn với người sử dụng. Song song với việc đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu, chăm sóc khách hàng, Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP cần nghiên cứu phát triển và cung cấp các dịch vụ gia tăng trong khâu bán hàng.

** Giải pháp về nguồn nguyên liệu:*

- Triển khai thực hiện chiến lược nguyên liệu quặng sắt, trong đó bao gồm xây dựng quy hoạch, cân đối nguồn quặng sắt phục vụ các dự án đầu tư của Tổng công ty.

- Tập trung cân đối đủ nguồn quặng sắt cho dự án mở rộng Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2, đảm bảo nhu cầu quặng magnetite cho phối liệu của Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung từ nguồn trong nước.

- Thúc đẩy các hoạt động khai thác nguồn nguyên liệu quặng sắt. Duy trì tham gia cổ phần 20% trong dự án mỏ sắt Thạch Khê làm cơ sở nguyên liệu lâu dài cho Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

- Nghiên cứu thành lập Công ty con của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP thực hiện chức năng thu mua quặng sắt, thăm dò khai thác và đầu tư gia

công chế biến quặng sắt, tiến tới làm đầu mối cung ứng nguyên liệu quặng sắt cho sản xuất của Tổng công ty.

- Tăng cường năng lực dự báo, phân tích, đánh giá, thương thảo, giao nhận, giám sát thực hiện hợp đồng mua nguyên liệu cho sản xuất của Tổng công ty. Nghiên cứu áp dụng các phương thức hợp đồng mua nguyên liệu phù hợp với chu kỳ sản xuất để giảm thiểu rủi ro về biến động giá nguyên liệu trên thế giới.

** Giải pháp về tổ chức quản lý và nguồn nhân lực:*

- Thúc đẩy quá trình tái cơ cấu, tập trung đầu tư vào lĩnh vực cốt lõi. Giải quyết và xử lý dứt điểm những cơ sở không có hiệu quả. Đồng thời, nghiên cứu sắp xếp hợp lý các cơ sở, đơn vị trong hệ thống theo hướng tạo ra những liên kết dọc, nâng cao chuỗi giá trị.

- Thiết lập các quy trình quản lý nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động công ty cổ phần, bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của các quyết định quản lý. Tham khảo và áp dụng các cơ chế quản trị điều hành theo thông lệ tốt nhất.

- Tinh giản biên chế trong toàn hệ thống. Củng cố bộ máy quản lý, phân công chức năng rõ ràng; tăng cường tính chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa và tính chịu trách nhiệm của các cơ quan tham mưu.

- Triển khai xây dựng quy hoạch nguồn nhân lực gắn với kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo các kỹ năng chuyên môn và năng lực triển khai thực thi công việc.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, đánh giá, thưởng phạt đối với cán bộ một cách rõ ràng, minh bạch và đồng bộ.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng:

Tổng công ty Thép Việt Nam nhất quán phương châm phát triển bền vững trong chiến lược của mình. Vì vậy, các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư phát triển của Tổng công ty đều hướng tới các mục tiêu:

- Đối với môi trường: đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường, tăng cường ứng dụng các công nghệ thân thiện môi trường.

- Đối với xã hội: hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và đóng góp vào phát triển xã hội.

- Đối với cộng đồng: quan tâm và cố gắng tối đa vì lợi ích cộng đồng của quốc gia nói chung và của các khu vực hoạt động của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP nói riêng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	KH 2013	% so 2012	% so KH
1. Sản xuất phôi thép	nghìn tấn	506,86	418,47		82,56%	
2. Sản xuất thép cán	nghìn tấn	523,54	530,79		101,39%	
+ Thép xây dựng	nghìn tấn	379,81	385,98		101,63%	
+ Thép dẹt	nghìn tấn	143,73	144,81		100,75%	
3. Tiêu thụ thép	nghìn tấn	663,52	551,65		83,14%	
+ Thép xây dựng	nghìn tấn	394,79	373,69		94,66%	
+ Thép dẹt	nghìn tấn	145,12	141,18		97,29%	
+ Phôi thép	nghìn tấn	123,61	36,78		29,75%	
4. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	14.981,73	11.648,52	17.005	77,75%	68,50%
5. Tổng chi phí	Tỷ đồng	15.520,16	11.938,43		76,92%	
6. Lợi nhuận	Tỷ đồng	-538,4	-289,9	102,5	53,84%	-282,73%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi đã bầu xong Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc phân công và phối hợp thực hiện các công việc có liên quan; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Thành viên Ban Tổng giám đốc

- Ông Lê Phú Hưng - Tổng giám đốc
- Ông Vũ Bá Ôn - Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Trọng Khôi - Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Tất Thắng - Phó Tổng giám đốc

- Ông Bùi Văn Hùng - Phó Tổng giám đốc

- Ông Huỳnh Công Du - Phó Tổng giám đốc

2.1.1. Ông Lê Phú Hưng - Tổng Giám đốc

(Chi tiết xem tại Mục V, khoản 1, tiết 1.2 “Hội đồng quản trị”)

2.1.2. Ông Vũ Bá Ôn - Phó Tổng Giám đốc

(Chi tiết xem tại Mục V, khoản 1, tiết 1.4 “Hội đồng Quản trị”)

2.1.3. Ông Nguyễn Trọng Khôi - Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 20/10/1957

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

- Kinh nghiệm công tác:

- 1975 - 1980: Sư đoàn 371 Không quân

- 8/1980 - 10/1985: Học tại Đại học Bách Khoa - Hà Nội

- 11/1985 - 6/2003: Công ty Gang thép Thái Nguyên

+ 8/1990 - 1998: Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy Luyện gang

+ 1/1999 - 6/2003: Phó Tổng giám đốc - Công ty Gang thép Thái Nguyên

- 7/2003 - 30/9/2011: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam

- 10/2011 - nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

2.1.4. Ông Trần Tất Thắng - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 24/11/1956

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen

- Kinh nghiệm công tác:

- Từ 1/1975 - 12/1976: Công ty Gang thép Thái Nguyên

- 12/1979 - 3/2009: Nhà máy Luyện thép:

+ 11/1988 - 11/1992: Phó quản đốc phân xưởng luyện thép

+ 11/1992 - 12/1993: Phó phòng kỹ thuật, Bí thư chi bộ cơ quan

+ 12/93 - 3/1999: Trưởng phòng kỹ thuật

+ 5/2000 - 8/2002: Phó giám đốc

+ 8/2002 - 3/2009: Giám đốc Nhà máy Luyện thép

- Từ 4/2009 - 30/9/2011: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- 10/2011 - nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

2.1.5. Ông Bùi Văn Hùng - Phó Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 30/8/1959
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim
- Kinh nghiệm công tác:
 - 11/1983 - 10/1986: Kỹ sư cán thép - Nhà máy thép Nhà Bè
 - 11/1986 - 5/1988: Phó quản đốc - PX cán thép - NM thép Nhà Bè
 - 6/1988 - 9/1992: Quản đốc PX cán thép - NM thép Nhà Bè
 - 10/1992: Phó phòng kỹ thuật cơ điện - NM thép Nhà Bè
 - 11/1992 - 8/1998: Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện - NM thép Nhà Bè
 - 9/1998 - 8/2003: Phó giám đốc NM thép Nhà Bè
 - 9/2003-6/2007: Giám đốc NM thép Phú Mỹ
 - 7/2007 - 11/2007: Giám đốc Công ty Thép miền Nam
 - 12/2007: Giám đốc Công ty thép Biên Hoà
 - 01/2008 - 10/2010: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Biên Hoà
 - 01/10/2010-30/9/2011: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam
 - 10/2011- Nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

2.1.6. Ông Huỳnh Công Du - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 13/01/1966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện cán thép, Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:
 - 4/1991 - 01/1993: Kỹ sư tập sự tại nhà máy Thép Biên Hoà
 - 01/1993 - 8/1998: Kỹ thuật viên, Phó Quản đốc, Quản đốc PX Cán - Nhà máy Thép Biên Hoà
 - 08/1998 - 04/2000: Phó Giám đốc Nhà máy Thép Biên Hoà
 - 04/2000 - 04/2002: Phó phòng Kỹ thuật Nhà máy Thép Miền Nam
 - 04/2002 - 04/2004: Phó Giám đốc BQL Dự án Thép Cán nguội Phú Mỹ
 - 04/2004 - 04/2007: Phó Giám đốc Công ty Thép tấm Lá Phú Mỹ
 - 5/2007 - 02/2009: Phó Tổng Giám đốc thứ 1 Công ty cổ phần Essar Việt Nam.
 - 3/2009 - 01/2011: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thép Tấm lá Thống Nhất.

- 02/2011 - 31/12/2013: Giám đốc Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ.

+ 01/01/2013 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

2.2. Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Phong - Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 08/11/1960

Kinh nghiệm công tác:

- 4/1980 - 5/1986: Nhân viên phòng TCKT - Nhà máy thép Biên Hoà - Công ty luyện kim đen

- 5/1986 - 3/1993: Phó phòng TCKT - Nhà máy Thép Biên Hoà

- 3/1993 - 8/1997: Trưởng phòng TCKT - Nhà máy thép Biên Hoà - Công ty Thép Miền Nam

- 8/1997 - 7/2007: Phó phòng TCKT - Công ty Thép Miền Nam (Bí thư Chi bộ)

- 7/2007 - 9/2011: Phó phòng TCKT - Tổng công ty Thép Việt Nam

- 10/2011 - Nay: Kế toán trưởng Tổng công ty Thép Việt Nam (nay là Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP).

2.3. Số lượng lao động, chính sách lương, thưởng và phúc lợi

2.3.1. Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2013 là 1.173 người (Công ty mẹ), trong đó:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ		
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	359	30,6%
Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	285	24,3%
Công nhân kỹ thuật	457	38,96%
Nhân viên phục vụ	72	6,14%
Phân theo loại hợp đồng		
Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	1055	89,94%
Lao động hợp đồng từ 1 - 3 năm	103	8,78%
Lao động hợp đồng dưới 1 năm	15	1,28%

2.3.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

a) Chính sách về tiền lương

Trong những năm qua, nhất là từ khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, chính sách tiền lương trong hệ thống Tổng công ty luôn gắn tiền lương, thu nhập của người lao động với hiệu quả công việc như tiền hành khoán chi phí đối với một số đơn vị kinh doanh, dịch vụ, khoán quỹ tiền lương đối với các Phòng, Ban cơ quan Tổng công ty.

Đối với cơ chế xác định quỹ tiền lương của công ty mẹ: Tổng công ty đã tiến hành khảo sát và xây dựng thành công bộ định mức lao động tổng hợp làm cơ sở để xây dựng đơn giá tiền lương các sản phẩm cũng như xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch tại công ty mẹ theo Thông tư 27/2010/TT-BLĐTBXH.

Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện trên cơ sở sản lượng tiêu thụ thực tế thực hiện và đơn giá tiền lương sản phẩm đồng thời gắn kết với kết quả thực hiện các chỉ tiêu về năng suất lao động và lợi nhuận - vận dụng theo Điều 8 Thông tư 27/2010/TT-BLĐTBXH, ngày 14/9/2010 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Đối với cơ chế phân phối tiền lương cho người lao động: Đa số các đơn vị trong hệ thống tổng công ty đều đã xây dựng và ban hành quy chế phân phối tiền lương theo quy định của pháp luật bảo đảm dân chủ, công bằng, minh bạch có sự tham gia của công đoàn cơ sở. Về cơ bản, tiền lương của người lao động gồm 2 phần :

Phần tiền lương cơ bản: Phần tiền lương cơ bản của người lao động được xếp theo hệ thống thang bảng lương của nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004.

Phần tiền lương chức danh công việc: Phần tiền lương chức danh công việc của người lao động gắn với từng vị trí công tác cũng như năng suất, hiệu quả công việc của từng bản thân người lao động.

Năm 2013, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế cũng như ngành thép, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP và các đơn vị trong hệ thống gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực hết mình của ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động nên việc làm, đời sống, thu nhập của cán bộ công nhân viên trong hệ thống tổng công ty đảm bảo ổn định. Do vậy đã ổn định được mối quan hệ lao động, chưa từng dễ xảy ra việc tranh chấp lao động trong hệ thống Tổng công ty.

b) Chính sách khen thưởng:

- Thực hiện chế độ thưởng từ quỹ lương đối với CBCNV có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, được xây dựng và thực hiện thống nhất theo các quy chế nội bộ tại đơn vị.

- Thực hiện chế độ khen thưởng thành tích thi đua theo quy định tại Luật Thi đua khen thưởng.

- Chế độ thưởng sáng kiến tiết kiệm theo Quy chế của Tổng công ty.

c) Bảo hiểm và phúc lợi:

- Thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Công ty Bảo hiểm Pjico triển khai gói Bảo hiểm sức khỏe 24/24 đối với toàn thể CBCNV Công ty mẹ.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách phúc lợi đối với CBCNV: Nghỉ mát, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ...

d) Chế độ nghỉ phép, lễ tết:

- Thực hiện bố trí lao động nghỉ phép, lễ tết... đúng ngày, hoặc luân phiên đảm bảo đúng chế độ quy định.

2.3.3. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực*a) Tuyển dụng*

Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Tổng công ty nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Tổng công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, có ý thức sáng tạo... Đối với các vị trí quan trọng, thì có những tiêu chuẩn khắt khe về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý....

b) Đào tạo

Tổng Công ty luôn coi trọng nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Tổng công ty đã chú trọng việc đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Tổng công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Tình hình đầu tư tài chính:

Trong năm 2013, Tổng Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Thép Vinakyoei với số tiền 12.000.000 USD, tương đương: 251.736.000.000 VND; Công ty Tôn Phương Nam với số tiền 48.024.489.300 VND; Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê với số tiền 1.289.000.000 VND. Mua lại phần vốn góp của Posco tại Công ty TNHH Posvina để chuyển thành công ty TNHH-MTV và triển khai giải thể, bán tài sản, thu hồi vốn.

b) Tình hình thực hiện các Dự án lớn:

- Dự án cải tạo Gang thép Thái Nguyên giai đoạn 2: Chủ đầu tư là Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Tổng mức đầu tư: 8.104,9 (đã điều chỉnh). Nguồn vốn đầu tư cho dự án này được huy động từ vốn tín dụng đầu tư phát triển, vốn doanh nghiệp và vay thương mại. Năm 2013 Dự án giải ngân 371,5 tỷ đồng trên tổng số vốn đăng ký kế hoạch là 508,45 tỷ đồng (đạt 73% với kế hoạch), tuy nhiên đó thực chất là giá trị giải ngân chi trả cho khối lượng công việc đã thực hiện trong năm 2012. Năm 2013 quý III và quý IV dự án hầu như không triển khai do Chủ đầu tư gặp khó khăn trong quá trình thu xếp vốn vay bổ sung cho dự án.

- Dự án Nhà máy Gang thép Lào Cai: Chủ đầu tư là Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung (Công ty liên kết). Giá trị giải ngân được 1.206 tỷ đồng trên tổng số vốn đăng ký kế hoạch là 2.337,56 tỷ đồng (đạt 52% so với kế hoạch). Các hạng mục chính của gói thầu EPC cơ bản hoàn thành đạt 95% về khối lượng thực hiện cả về phần xây dựng và lắp đặt thiết bị. Tổng thầu EPC cùng với Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung đang tiến hành chạy thử đơn động, chạy thử liên động không tải thiết bị.

3.2. Các Công ty con, Công ty liên kết

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khối Công ty con

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2012	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ
1	2	3	4=2-3	5=2/3
Lợi nhuận hợp nhất	(289.848)	81.283	(371.131)	(356%)
Cổ đông thiểu số	(88.460)	33.725	(122.185)	
Phần TCTy	(201.338)	47.558	(249.033)	(423%)
Số Công ty lãi	7	9		
Số Công ty lỗ	5	3		

Số Công ty chưa/(dừng) hoạt động	2	1		
Vốn Tcty tại Cty con	2.791.888	2.661.633		
Tỷ lệ lãi/vốn	(7,21%)	1,79%		

Năm 2013 có 07 Công ty con có lãi 71,98 tỷ đồng, 05 công ty con bị lỗ tới 361,83 tỷ đồng. Phần của lợi ích của Tổng công ty tại các Công ty con sau khi trừ cổ đông thiểu số còn lỗ 201 tỷ đồng. Các công ty có lãi đều thấp hơn năm trước. Nguyên nhân lỗ của các công ty con phần lớn hiệu quả kinh doanh đạt thấp, trong khi phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi quá lớn. Số trích lập dự phòng trong năm 2013 tại các công ty con là 400 tỷ đồng dẫn tới khối Công ty con có số lỗ lớn trên.

Tình hình tài chính của khối Công ty con:

- Công tác quản lý công nợ đã được coi trọng, số nợ phải thu không tăng so với năm trước. Các khoản quá hạn không tăng, nhưng việc thu hồi các khoản công nợ khó đòi vẫn gặp rất nhiều khó khăn, các khoản nợ quá hạn cũ giảm không nhiều. Mặc dù còn có đơn vị chưa trích dự phòng đủ theo quy định, nhưng năm 2013 các công ty con đã phải trích dự phòng phải thu khó đòi tới 400 tỷ đồng, dẫn tới kết quả kinh doanh bị lỗ lớn.

- Một số Công ty con vẫn có sự mất cân đối giữa nguồn dài hạn và tài sản dài hạn, dẫn đến rủi ro thanh toán trong ngắn hạn bao gồm: Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (chủ yếu là sử dụng cho Dự án Cải tạo, mở rộng giai đoạn 2), Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long, Công ty cổ phần Kim khí Bắc Thái. Những Công ty này nếu không cân đối được dòng tiền sẽ mất thanh khoản tại một số thời điểm, cần theo dõi chặt chẽ các khoản phải trả đến hạn.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khối Công ty liên kết:

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2012	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ
1	2	3	4=2-3	5=2/3
Lãi công ty liên kết	359.348	246.647	112.701	146%
Phần TCTy	226.127	94.273	131.854	240%
Số Công ty lãi	21	19		
Số Công ty lỗ	5	8		
Số Công ty đang đầu tư	3	3		
Vốn Tcty tại Cty LK	3.027.088	2.776.050		
Tỷ lệ lãi / vốn	7,50%	3,40%		

Năm 2013 lợi nhuận của các Công ty liên kết bằng 146% năm trước, phần lợi ích của Tổng Công ty là 226,1 tỷ, tăng 131,8 tỷ đồng và bằng 240% năm 2012. Số Công ty lãi là 21 đơn vị (lãi cao như: Công ty liên doanh IBC, Công ty Tôn Phương Nam, Công ty TNHH Thép Vinakyoei); Số Công ty lỗ là 5 đơn vị (lỗ nhiều như: Công ty TNHH ống thép Nipponsteel và Sumikin Việt Nam, Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng, Công ty TNHH Nasteelvina, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Miền Nam); Trong đó số vốn đầu tư vào đơn vị đang đầu tư mới và đầu tư mở rộng chưa đưa vào hoạt động nếu tính cả Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung, thì vốn của Tổng công ty trong giai đoạn đang đầu tư là 1.511 tỷ đồng (chiếm 50% số vốn đầu tư vào công ty liên kết) chưa phát sinh thu nhập. Tỷ lệ lãi trên số vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty liên kết đạt 7,50 % so với năm trước là 3,40% (nếu loại trừ phần vốn đang đầu tư thì tỷ lệ lãi/vốn đạt 15,0 %). Như vậy số lãi đầu tư vào các công ty liên kết trên là khá cao. Nhưng phần vốn góp vào các dự án đang đầu tư cũng dẫn tới khó khăn trước mắt cho Công ty mẹ.

Tình hình tài chính của khối Công ty liên doanh, liên kết:

Cùng với một số công ty có lãi lớn, tài chính vững mạnh như Công ty TNHH Thép Vinakyoei, Công ty Tôn Phương Nam, Công ty liên doanh IBC, Công ty TNHH Thép VSC- POSCO, Công ty Liên doanh sản xuất Thép Vinausteel,... còn một số công ty có khó khăn như:

- Một số công ty năm nay có lãi nhưng do lỗ lũy kế lớn nên tiếp tục gặp khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng như: Công ty cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất, Công ty cổ phần Trúc Thôn, Công ty Thép Tây Đô.

- Công ty có lỗ lớn như: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Miền Nam lỗ lũy kế lớn và đang rất khó khăn về thanh khoản. Công ty TNHH ống thép Nipponsteel và Sumikin Việt Nam (Tổng công ty góp 4,04 % vốn) có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 lỗ hơn 269 tỷ và số lỗ lũy kế hiện nay đã chiếm 80% vốn sở hữu.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1	Tài sản lưu động	7.552.600.085.741	10.247.634.189.532
2	Nợ ngắn hạn	10.549.263.485.422	12.446.188.886.515
3	Hàng tồn kho	3.674.339.678.296	4.343.801.867.843

4	Nợ phải trả	15.529.103.756.741	17.703.599.890.088
5	Vốn chủ sở hữu	6.135.131.646.084	6.385.762.087.275
6	Giá vốn hàng bán	25.188.142.424.731	27.624.045.629.841
7	Hàng tồn kho bình quân	4.009.070.773.070	4.913.949.625.892
8	Tổng giá trị tài sản	22.789.692.013.400	25.320.049.441.659
9	Doanh thu thuần	26.569.529.144.437	9.089.996.747.347
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(597.406.597.088)	(538.814.003.579)
11	Lợi nhuận khác	49.909.442.449	128.674.142.895
12	Lợi nhuận trước thuế	(321.369.545.580)	(315.866.360.086)
13	Lợi nhuận sau thuế	(343.880.147.962)	(343.356.370.235)
14	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,7159	0,8234
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn		
	Hệ số thanh toán nhanh	0,3676	0,4743
	(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,6814	0,6992

	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,5312	2,7724
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
	Vòng quay hàng tồn kho	6,2828	5,6216
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,1659	1,1489
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,0129)	(0,0118)
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,0561)	(0,0538)
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,0151)	(0,0136)
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,0225)	(0,0185)

5. Cơ cấu cổ đông

- Vốn điều lệ : 6.780.000.000.000 đồng
- Cổ phiếu lưu hành : 678.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Cơ cấu vốn cổ phần (tại thời điểm ngày 31/12/2013)

Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I. Cổ đông tổ chức			
1. Trong nước	25	673.954.034	99,4%
2. Nước ngoài	0	0	0,0%
II. Cổ đông cá nhân			
1. Trong nước	1.388	3.545.966	0,5%
2. Nước ngoài	1	500.000	0,1%
Tổng số	1.328	678.000.000	100%

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của Tổng công ty Thép Việt Nam
- CTCP được thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn

và biến động phức tạp, khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa hoàn toàn chấm dứt. Ở trong nước, các khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh như: sức cầu của nền kinh tế yếu; khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp thấp, hàng tồn kho tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao. Đây không phải là những khó khăn mới xuất phát trong năm 2013, mà đây là hệ quả cộng hưởng từ những khó khăn kéo dài của cả kinh tế vĩ mô và vi mô từ năm 2008 cho tới nay.

Đối với ngành thép, thị trường thép Việt Nam năm 2013 bị thu hẹp cả về giá và nhu cầu. Cầu của thị trường giảm chủ yếu do khu vực công nghiệp và xây dựng trong nước - nơi chiếm khoảng 60% tổng nhu cầu của ngành thép chỉ tăng trưởng 5,43% (trong khi mức tăng trưởng của khu vực này năm 2012 là 5,75%), còn giá bán bình quân sản phẩm thép cũng giảm phổ biến từ 5-10% (tùy theo mặt hàng, thương hiệu và khu vực) so với năm 2012.

Trong bối cảnh đó, nhận thức ngay từ đầu năm về những khó khăn chung mà ngành thép sẽ tiếp tục phải đối mặt trong năm 2013 cũng như những khó khăn riêng của Tổng công ty do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 chuyển sang, Ban điều hành đã chủ động, bám sát Nghị quyết của Hội đồng quản trị, triển khai quyết liệt các giải pháp trong công tác quản lý như tăng cường thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm năng lượng, tiết giảm các khoản chi phí, khoán giá thành, khoán chi phí tiết kiệm bắt buộc, tìm mọi giải pháp tháo gỡ khó khăn để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Kết quả, Tổng Công ty và đã đạt được những kết quả nhất định trong việc giảm chi phí, hạ giá thành (cụ thể với Công ty mẹ: chi phí bán hàng giảm 32,492 tỷ đồng, tương ứng giảm 34,47%; chi phí quản lý giảm 37,126 tỷ đồng, tương ứng giảm 14,50% so 2012; chi phí lãi vay vốn lưu động giảm 147,62 tỷ đồng, tương ứng giảm 30,93%; chi phí luyện thép giảm 6,38%; chi phí cán thép giảm 6,77%), thị trường thị phần thương hiệu Thép Miền Nam của Tổng công ty vẫn giữ được ổn định so với tiêu thụ cả nước cũng như duy trì được tỷ lệ thị phần ở Khu vực phía Nam... Tuy nhiên, kết thúc năm 2013, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã giao, hiệu quả sản xuất kinh doanh tiếp tục giảm sút, cụ thể:

- Tổng doanh thu thuần công ty mẹ trong năm 2013 đạt 11.648 tỷ đồng, đạt 68% kế hoạch, bằng 78% so cùng kỳ năm 2012. Trong đó doanh thu thuần bán hàng là 11.073 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 95,06%; doanh thu dịch vụ là 170,97 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,46%; doanh thu tài chính là 352,6 chiếm tỷ trọng 3,03%; thu nhập khác là 52,3 chiếm tỷ trọng 0,45%.

- Lợi nhuận Công ty mẹ: -289,9 tỷ đồng, tuy không đạt kế hoạch đề ra nhưng đã giảm được ~ 249 tỷ lỗ so với năm 2012.

Ban điều hành nhất trí đánh giá và xác định 02 nguyên nhân chính dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, đó là:

- Sản lượng tiêu thụ và giá bán các mặt hàng chính của Công ty mẹ đều giảm so với năm 2012, dẫn đến doanh thu tiêu thụ giảm 23,26%. Trong năm 2013, do nhu cầu tiêu thụ của thị trường thép luôn ở mức thấp, thị trường luôn trong tình trạng cung vượt cầu, nên sản phẩm của Tổng công ty phải cạnh tranh gay gắt về giá bán để giữ thị phần. Trong khi đó chi phí đầu vào lại luôn tăng và biến động phức tạp khó dự đoán, nên giá bán của Tổng công ty thường xuyên thấp so với giá vốn.

Kết thúc năm 2013, lượng thép xây dựng sản xuất bán ra của Công ty mẹ đạt 373.691 tấn, giảm 5,3% so với năm 2012, giá bán bình quân cả năm giảm 9,78% so với năm trước; Tổng tiêu thụ thép cuộn cán nguội và hàng gia công đạt 141.185 tấn, giảm 2,7% so với năm 2012, giá bán bình quân giảm 5,5% so với năm trước; lượng phôi thép sản xuất bán ngoài của Công ty Thép Miền Nam đạt 36.778 tấn, giảm 70,2% so với năm trước.

- Do hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của các Công ty con và liên kết (Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Công ty cổ phần Thép Nhà Bè, Công ty cổ phần tôn mạ VNSTEE - Thăng Long...) bị lỗ, nên Công ty mẹ phải trích dự phòng khoản đầu tư tài chính là 244,153 tỷ đồng, tăng 384% so với năm 2012 và chiếm tỷ lệ 34,58% chi phí tài chính phát sinh trong năm.

Ngoài ra, công tác dự đoán thị trường đã được cải thiện nhưng chưa kịp thời nắm bắt cơ hội. Tổng công ty đã có những tính toán nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất, tuy đã đảm bảo đủ lượng, nhưng giá nguyên liệu (nhất là nguồn nhập khẩu) lại chưa bám sát sự biến động của thị trường làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa đạt yêu cầu đặt ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại ngày 31.12.2013 là 12.541 tỷ đồng giảm 2.061 tỷ đồng (~ 14,12%) so tại ngày 01.01.2013. So với thời điểm đầu năm khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31.12.2013 đã giảm 1.025 tỷ đồng (~60,94%) là do trong năm Tổng công ty đã đầu tư góp vốn vào một số dự án và đã chú trọng hơn đến công tác quản lý dòng tiền nhằm tiết giảm chi phí lãi vay.

Tổng công ty cũng đã chú trọng hơn đến việc quản lý nợ phải thu và duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý thể hiện: tại ngày 31.12.2013 nợ phải thu khách hàng đã giảm 32,14% so tại ngày 01.01.2013; hàng tồn kho giảm 8,24%. Tuy nhiên, do tình hình thị trường bất động sản đóng băng trong một thời gian dài đã ảnh

hướng lớn đến nhiều doanh nghiệp xây dựng là các khách hàng của Tổng công ty và các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty từ đó làm phát sinh nợ phải thu khó đòi lớn tại một số đơn vị. Trong năm 2013, Công ty mẹ - Tổng công ty đã phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí kinh doanh là 16,24 tỷ tăng 61,3% so với cùng kỳ năm 2012; trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính là 249,3 tỷ đồng. Đây là nguyên nhân chính gây ra khoản lỗ 289,9 tỷ đồng cho Công ty mẹ - Tổng công ty.

Trong năm 2013, Tổng công ty cũng đã rất nỗ lực trong việc xin hoàn thuế và đã đạt được kết quả rất đáng khích lệ (Tổng công ty đã xin và được hoàn là 497 tỷ đồng tiền thuế), số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tại thời điểm 31.12.2013 đã giảm 386,6 tỷ (~76,64%) so tại 01.01.2013 góp phần không nhỏ làm giảm chi phí lãi vay trong năm 2013.

Tài sản cố định tại ngày 31.12.2013 giảm 214,9 tỷ đồng (~5,86%) do trong kỳ tài sản mới đưa vào sử dụng tăng ít hơn so với số khấu hao đã trích vào chi phí (tăng 42,7 tỷ tài sản cố định và 8 tỷ chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong khi số khấu hao lũy kế tăng 266 tỷ).

Đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31.12.2013 tăng 250,9 tỷ đồng so tại 01.01.2013 chủ yếu là do Tổng công ty thực hiện phân loại lại khoản đầu tư vào cổ phiếu CTG từ dài hạn chuyển lên ngắn hạn để thực hiện thoái vốn theo kế hoạch. Đầu tư vào Công ty con tăng 130 tỷ là do trong năm Tổng công ty góp thêm vốn vào Công ty cổ phần Thép Nhà Bè và mua lại toàn bộ phần vốn góp của đối tác tại Công ty TNHH Posvina. Đầu tư vào công ty liên kết tăng 252 tỷ (~9,08%) là do trong năm Tổng công ty góp vốn bổ sung tăng vốn điều lệ bằng lợi nhuận được chia vào công ty Tôn Phương Nam và sử dụng nguồn vốn trái phiếu góp vào Công ty TNHH Thép Vinakyoei.

Tài sản dài hạn khác tại 31.12.2013 giảm 140,3 tỷ (~27,89%) so tại 01.01.2013 chủ yếu là do giảm giá trị lợi thế vị trí địa lý của lô đất 120 Hoàng Quốc Việt (114,9 tỷ) do Tổng công ty xin chuyển từ hình thức thuê đất sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất.

b) Tình hình nợ phải trả

Như đã nêu ở trên do Tổng công ty đã chú trọng hơn đến công tác quản lý dòng tiền, đến công tác thu hồi công nợ, đã duy trì mức tồn kho hợp lý hơn..., nên các khoản vay và nợ ngắn hạn của ngân hàng và các đối tượng khác tại 31.12.2013 so tại 01.01.2013 đã giảm được 103,3 tỷ; vay và nợ dài hạn giảm 331,7 tỷ (~36,33%). Bên cạnh đó khoản phải trả người bán tại 31.12.2013 so tại 01.01.2013 đã giảm khá nhiều (~1.220,4 tỷ tương đương ~77,66%) nguyên nhân là do trong năm 2013 lãi suất trả chậm cộng phí mở L/C trả chậm bằng thậm chí còn lớn hơn với mức lãi suất cho vay của các ngân hàng trong nước vì vậy Tổng

công ty đã lựa chọn hình thức vay vốn ngân hàng để trả luôn cho các nhà cung cấp thay vì mua hàng trả chậm.

Tổng công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, không để phát sinh nợ phải trả quá hạn thanh toán.

Trong năm 2013, lãi chênh lệch tỷ giá của Tổng công ty là 24,185 tỷ và lỗ chênh lệch tỷ giá là 36,8 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Cải tiến trong công tác quản lý nội bộ:

Trong năm 2013, Tổng công ty đã tiếp tục cập nhật và ban hành bổ sung nhiều Quy chế, quy định để quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP phù hợp với các quy định pháp luật, như: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý, điều hành, Quy chế quản lý người Đại diện vốn, Quy chế Dân chủ, Quy chế Tài chính, Quy chế thường tiết kiệm vật tư và khoán chi phí, Quy chế tiếp nhận, xử lý, ban hành, lưu trữ và quản lý văn bản...

Việc triển khai các quy chế đã ban hành cũng được chú trọng, thường xuyên đôn đốc thực hiện. Duy trì công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định về nội dung.

3.2. Cải tiến trong công tác quản trị tiêu thụ sản phẩm:

- *Về thực hiện cơ cấu lại hệ thống phân phối:* Ngay từ đầu năm 2013, Tổng công ty đã triển khai xây dựng phương án tổ chức lại hệ thống phân phối theo hướng tinh giản thu gọn đầu mối, giảm biên lao động, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả bán hàng của Tổng công ty. Theo đó, Chi nhánh VNSTEEL Long An không tham gia bán hàng và quản lý khách hàng từ 1/7/2013. Kết quả bước đầu cho thấy, mặc dù giảm bớt 01 Chi nhánh nhưng sản lượng tiêu thụ không giảm, điều này cho thấy việc tổ chức lại hệ thống phân phối phù hợp thực tiễn và mang lại kết quả mà trọng tâm là tiết giảm được chi phí quản lý bán hàng, các chính sách quản lý khách hàng và kiểm soát thị trường được tập trung hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, ngay từ ngày 14/01/2013, Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-VNS v/v giao khoán chi phí đối với các Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty nhằm thúc đẩy các đơn vị thực hiện tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- *Về chính sách giá bán:* được xây dựng trên cơ sở theo sát diễn biến thị trường thép trong nước, thép nhập khẩu, cập nhật giá nguyên vật liệu đầu vào, giá thành thực tế tại các đơn vị sản xuất để đề xuất giá bán, chính sách chiết

khẩu hợp lý cho các kênh và phân khúc thị trường mục tiêu, đảm bảo bán được hàng và giữ vững thị phần. Việc điều chỉnh giá được thực hiện 1 cách thận trọng nhưng kịp thời, biên độ giảm giá ở mức vừa phải để vừa đảm bảo kích thích tiêu thụ vừa duy trì được hiệu quả kinh doanh.

+ Đối với kênh bán hàng công trình: Tổng công ty luôn bám sát giá các nhà sản xuất lớn khác (như Pomina, Vinakyoei, Hòa Phát...) và đưa ra mức giá hợp lý để đẩy mạnh tiêu thụ vào công trình, đặc biệt là các công trình lớn sử dụng vốn ngân sách. Tổng công ty cũng định hướng giảm các mức hỗ trợ giá bán vào công trình để làm minh bạch hệ thống giá.

+ Tổng công ty luôn chú trọng và có biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm đến các khu vực địa bàn có ưu thế về thương hiệu, sức tiêu thụ khá và giá cả tốt hơn, nhất là ở các địa bàn trọng điểm như Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ trọng tiêu thụ cao trong những năm qua (riêng năm 2013 tiêu thụ chiếm tỷ trọng là 47,5%) để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Đối với khu vực Miền Trung, Đà Nẵng, tiêu thụ chủ yếu để giữ thị phần và giá trị thương hiệu.

+ Ngoài việc đẩy mạnh tiêu thụ trong nước, Tổng công ty cũng chú trọng đến việc xuất khẩu sang thị trường Campuchia. Mặc dù giá bán thép vào thị trường này từ đầu năm cũng đã sụt giảm dầu theo xu thế giá chung của thị trường thế giới và khu vực, nhưng vẫn mang lại hiệu quả nhất định do Tổng công ty vẫn duy trì được mức tiêu thụ ổn định, phát huy được lợi thế cạnh tranh của thương hiệu thép chữ “V”.

3.3. Cải tiến trong công tác quản trị sản xuất

- Về quản lý các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Việc xây dựng và thực hiện chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2013 đã có tiến bộ, chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của lãnh đạo, cán bộ công nhân viên các đơn vị. Mặc dù tình hình thị trường luôn biến động, tiêu thụ có nhiều tháng khó khăn, phải điều tiết sản xuất, sản lượng từng tháng làm cho việc quản lý, thực hiện chỉ tiêu tiêu hao gặp khó khăn, nhưng tính bình quân một số chỉ tiêu chủ yếu như tiêu hao kim loại, điện năng, dầu FO, ga nhiều đơn vị thực hiện luôn bằng và thấp hơn định mức.

- Về quản lý điện năng: Tổng công ty đã làm việc và đăng ký chỉ tiêu điện với ngành điện từ đầu năm, đảm bảo nguồn điện cung cấp thường xuyên, ổn định cho các đơn vị, chỉ đạo các đơn vị tổ chức sản xuất trong giờ thấp điểm để tiết kiệm điện năng, giảm chi phí sản xuất.

3.4. Cải tiến trong công tác quản lý dòng tiền

Trong năm 2013, Tổng công ty triển khai nhiều giải pháp quản trị tài chính, quản trị dòng tiền để giảm chi phí vốn. Thực tế cho thấy, năm 2013 các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn đã giảm nhiều so với năm 2012. Trong số giảm này

ngoài việc lãi suất ngân hàng giảm còn thể hiện những nỗ lực của Tổng công ty trong việc tăng cường quản lý dòng tiền, quản lý tồn kho, công nợ. Bên cạnh đó, tổng công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, không để phát sinh nợ phải trả quá hạn thanh toán.

4. Kế hoạch năm 2014:

Tổng công ty Thép Việt Nam nhận định nền kinh tế Việt Nam năm 2014 sẽ có nhiều chuyển biến tích cực hơn năm 2013 nhờ các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước. Tuy nhiên, theo nhiều dự báo, tình hình kinh tế thế giới và khu vực vẫn còn nhiều khó khăn và sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, quá trình tái cơ cấu nền kinh tế trong nước mới chỉ ở giai đoạn khởi động; sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm vẫn đang rất khó khăn; nguồn lực của doanh nghiệp và thu nhập dân cư sụt giảm.

Đối với ngành thép trong nước, năm 2014 sẽ vẫn còn rất nhiều khó khăn và thách thức trước mắt như: thị trường bất động sản chưa khởi sắc, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khó bố trí được vốn đầu tư,... giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động là thách thức đối với các doanh nghiệp ngành thép, nhất là khi phần lớn nguyên liệu đầu vào của ngành thép là từ nguồn nhập khẩu, việc một số dự án mới sẽ chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tung sản phẩm ra thị trường sẽ càng đẩy cung vượt xa cầu.

Nhìn chung, việc cạnh tranh trong bán hàng sẽ tiếp tục rất căng thẳng trong năm 2014, và giá cả sẽ là đòn bẩy cho tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Trước tình hình đó, khả năng đạt được lợi nhuận cao năm 2014 là rất khó khăn và tùy thuộc vào sự nỗ lực của từng doanh nghiệp.

Với những nhận định trên, Ban lãnh đạo Tổng công ty nhất trí xây dựng kế hoạch năm 2014 trên quan điểm thận trọng, không đặt nặng yếu tố tăng trưởng, mà tập trung ngăn chặn, chấm dứt tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ; phấn đấu tối đa hóa lợi nhuận trong mỗi mảng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên tinh thần đó, Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP đề ra các mục tiêu trọng tâm trong năm 2014 với các chỉ tiêu sau:

- Doanh thu thuần: 12.702,067 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 35,976 tỷ đồng

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Tổng công ty sẽ triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

a) Giải pháp về nâng cao hiệu suất vận hành:

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp cải tiến quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu suất vận hành của các nhà máy, giảm thiểu các chỉ tiêu tiêu hao kinh tế kỹ thuật

tại các đơn vị trực tiếp sản xuất để hạ giá thành sản phẩm một cách hợp lý, hiệu quả.

- Thực hiện áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, các công nghệ tiết kiệm năng lượng.

b) Giải pháp về thị trường

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để tăng cường công tác nắm bắt và phân tích thị trường trong và ngoài nước để đảm bảo nguyên vật liệu một cách chủ động cho sản xuất, mức tồn kho hợp lý với giá tốt.

- Rà soát xây dựng cơ chế, chính sách bán hàng phù hợp nhằm khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho việc tiêu thụ sản phẩm thép và giữ vững thị phần của Tổng công ty. Đồng thời hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng tập trung, tránh chồng chéo để giảm thiểu sự cạnh tranh trong nội bộ Tổng Công ty

c) Giải pháp về tài chính

- Thực hiện rà soát để điều chỉnh bổ sung các quy chế hiện hành liên quan đến quản lý tài chính, kế toán.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài sản của Tổng công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết, đặc biệt là sự biến động nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, không để các đơn vị sử dụng lãng phí, sử dụng không đúng quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị kiên quyết, triệt để quản lý công nợ phát sinh năm 2014. Tăng cường công tác kiểm tra công nợ, giám sát tài chính, tổ chức công tác kế toán, quản lý tốt việc kê khai, nộp thuế kịp thời, đúng quy định.

d) Giải pháp về đầu tư:

- Điều chỉnh danh mục đầu tư của Công ty mẹ theo hướng giảm số lượng danh mục, thoái bớt vốn vào các công ty, dự án đầu tư với giá trị nhỏ, và các khoản đầu tư hiệu quả không cao. Tập trung nguồn lực vào ngành sản xuất thép, đồng thời tăng cường quản lý vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư của Công ty mẹ.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tình hình thực hiện để bảo đảm kế hoạch đầu tư năm 2014 được thực hiện có hiệu quả. Thường xuyên rà soát và có những điều chỉnh kịp thời cho sát tình hình thực tế.

- Nâng cao năng lực lập kế hoạch và giám sát thực hiện đầu tư. Nâng cao khả năng phân tích, đánh giá, lựa chọn dự án thật sự hiệu quả và có các lợi thế so sánh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Những kết quả trong công tác điều hành năm 2013

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2013, nền kinh tế còn nhiều khó khăn, bất ổn, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp, do đó hoạt động của Tổng công ty cũng bị ảnh hưởng. Từ thực tế đó, Hội đồng quản trị đã tích cực phối hợp với Ban Điều hành Tổng công ty đưa ra các giải pháp nhằm vượt qua khó khăn, duy trì ổn định hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Tổng công ty, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Điều hành. Năm 2013, chế độ họp của Hội đồng quản trị Tổng công ty được thực hiện theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP và Điều lệ của Tổng công ty. Mặc dù tình hình SXKD gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2013, song với tinh thần trách nhiệm cao, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được giao; Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp bằng nhiều hình thức, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ hàng Quý nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của Ban Điều hành, đồng thời trao đổi, bàn bạc, thông qua các chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ giao cho Ban Điều hành thực hiện ở các quý tiếp theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành 22 Nghị quyết, trên 50 quyết định và gần 90 công văn liên quan đến hoạt động toàn diện của Tổng công ty.

Qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia vào những hoạt động quan trọng của Tổng công ty và đã quyết định các vấn đề chính về Kế hoạch Tài chính, Kế hoạch SXKD, Kế hoạch đầu tư năm 2013; Đại hội cổ đông năm 2013; Quy hoạch cán bộ của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP; nhân sự chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, nhân sự tại các Công ty con, Công ty liên kết; việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2012 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP; đánh giá kết quả SXKD các quý I, II, III và IV và năm 2013; lựa chọn mã chứng khoán của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP; các nội dung liên quan đến hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp năm 2013 như: Phê duyệt cơ cấu tổ chức Cơ quan Công ty mẹ - Tcty theo mô hình mới; góp vốn thành lập Công ty liên doanh với DEAWOO International, chuyển đổi Công ty TNHH Posviva thành một thành viên, việc tăng vốn Điều lệ tại Công ty Tôn Phương Nam, Vinapipe, thoái vốn tại Công ty TNHH cảng quốc tế Thị Vải,

Không góp thêm vốn để tăng vốn Điều lệ tại Công ty TNHH Ống thép Nipponsteel và Sumikin Việt Nam.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và ban hành: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý, điều hành, Quy chế quản lý người Đại diện vốn, Quy chế Dân chủ, Quy chế Tài chính, Quy chế thưởng tiết kiệm vật tư và khoán chi phí, Quy chế tiếp nhận, xử lý, ban hành, lưu trữ và quản lý văn bản, Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản.

- Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định về nội dung.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, quyết liệt, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động SXKD, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng công ty, của các cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

1.2. Việc giám sát đối với Ban Điều hành

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua các Nghị quyết, chỉ đạo và các cuộc họp giao ban định kỳ.

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.

Ban Điều hành đã tích cực triển khai các công việc cụ thể về quản lý, kinh doanh như: tiếp tục củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Tổng công ty; tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực với từng mục tiêu cụ thể; đã bám sát, tập trung chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn đối với các dự án đầu tư trọng điểm của Tổng công ty.

Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện một số giải pháp được Hội đồng quản trị phê duyệt chưa cao, chưa đạt tiến độ theo yêu cầu, cụ thể như việc sắp xếp thu gọn đầu mối tiêu thụ, việc giảm biên, việc thoái vốn tại một số đơn vị, việc giao quyền chủ động cho các đơn vị sản xuất kinh doanh chưa quyết liệt vẫn còn mang tính bao cấp, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty còn kém hiệu quả, lỗ 02 năm liên tiếp. Có thể nói 2 năm qua, đặc biệt là năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty vẫn trong tình trạng đều

đều, chưa có các giải pháp có tính đột phá, chưa mạnh dạn và mạnh mẽ cắt bỏ các tổ chức trung gian để giảm chi phí, đưa sản phẩm đến thẳng khách hàng.

2. Những định hướng quan trọng

Năm 2014, Nền kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều chuyển biến tích cực hơn năm 2013 nhờ các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước. Tuy nhiên, theo nhiều dự báo, tình hình kinh tế thế giới và khu vực vẫn còn nhiều khó khăn và sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, quá trình tái cơ cấu nền kinh tế trong nước mới chỉ ở giai đoạn khởi động và chưa có giải pháp cụ thể khả thi; sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm vẫn đang rất khó khăn; nguồn lực của doanh nghiệp và thu nhập dân cư sụt giảm; niềm tin của thị trường chưa khôi phục.

Đối với ngành thép trong nước, vẫn còn rất nhiều khó khăn sẽ phải tiếp tục đối diện trong năm 2014 như: thị trường bất động sản chưa khởi sắc, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khó bố trí được vốn đầu tư,... giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động là thách thức đối với các doanh nghiệp ngành thép, nhất là khi phần lớn nguyên liệu đầu vào của ngành thép là từ nguồn nhập khẩu, việc một số dự án mới sẽ chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tung sản phẩm ra thị trường trong năm 2014 sẽ càng đẩy cung vượt xa cầu.

Nhìn chung, việc cạnh tranh trong bán hàng sẽ tiếp tục rất căng thẳng trong năm 2014, và giá cả sẽ là đòn bẩy cho tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Trước tình hình đó, khả năng đạt được lợi nhuận cao năm 2014 là rất khó khăn và tùy thuộc vào sự nỗ lực của từng doanh nghiệp.

Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là phát triển bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh, sản xuất kinh doanh hiệu quả nhằm tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế và tuân theo nguyên tắc kế thừa, với số thành viên mới không quá 3/5.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP ngày 25/4/2013 và căn cứ tình hình kinh doanh

thực tế của Tổng công ty, quỹ tiền lương cho ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách và thù lao cho ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm trong năm 2013 là: 1.574.193.600 đồng = 95,06% so với Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị:

- Ông Đặng Thúc Kháng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Từ 01/01/2013)
- Ông Lê Phú Hưng - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Nghiêm Xuân Đa - Ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách
- Ông Vũ Bá Ôn - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Xuân - Ủy viên Hội đồng quản trị

1.1. Ông Đặng Thúc Kháng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Sinh năm: 30/4/1958
- Trình độ chuyên môn: cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm công tác:

- 6/1982 - 5/1985: Cán bộ Ban tài chính giá cả Sở Tài chính Lai Châu
- 6/1985 - 10/1985: Liên hiệp cung ứng VTKV4, Bộ Vật tư
- 11/1985 - 12/1990: Công ty Vật tư thứ liệu TW
- + 1987 - 1990: Phó phòng Tài chính kế toán
- 1/1991 - Nay: Tổng công ty Kim khí, nay là Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 1993 - 1998: Phó phòng TCKT - Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 1/1999 - 8/2005: Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Tổng công ty
- + Từ 8/2005: Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty.
- Từ 9/2011 - 31/12/2012: UV HĐQT Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
- Từ 01/01/2013 - 31/12/2013: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

1.2. Ông Lê Phú Hưng - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Sinh năm: 16/01/1962
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Kinh nghiệm công tác:

- 1984 - 1990: NV, Phó quản đốc PX luyện thép Nhà máy Thép Tân Bình

- 02/1990 - 8/1995: Kỹ thuật viên, Quản đốc PX Cơ điện nhà máy thép Thủ Đức
- 09/1995 - 10/2006: Phó Tổng giám đốc - Công ty LD Tôn Phương Nam
- 11/2006 - 04/2007: Công ty thép Miền Nam
(đã từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc; Quyền Tổng giám đốc)
- Từ 01/5/2007 - 31/12/2013: Tổng công ty Thép Việt Nam
(giữ các chức vụ: UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Quyền Tổng giám đốc)
- + 5/2011: UV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam
- + 9/2011 - 31/12/2013: Phó Bí thư Đảng uỷ, UV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

1.3. Ông Nghiêm Xuân Đa - Ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách

- Ngày sinh: 29/5/1966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ, Thạc sỹ kinh tế tài chính
- Kinh nghiệm công tác:*
- 11/1990 - 11/1995: Viện nghiên cứu mỏ và luyện kim, nghiên cứu viên.
- 12/1995 - 9/1996: Chuyên viên, Ban quản lý dự án mỏ Thạch Khê, Tổng công ty Thép VN.
- 9/1996 - 9/1999: Phó trưởng Ban, Ban quản lý Dự án mỏ quặng sắt Thạch Khê, Tổng công ty Thép Việt Nam.
- 9/1999 - 8/2005: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty
- 8/2005 - 01/2006: Quyền Trưởng phòng TCKT
- 01/01/2006 - 8/2006: Trưởng phòng TCKT Tcty, đảng uỷ viên
- 01/8/2006 - 9/2011: Kế toán trưởng TCTy
- + Từ 2010 - nay: Ủy Viên Ban Thường vụ Đảng uỷ TCTy (Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ TCTy từ 1/2013).
- 01/9/2011 - 23/4/2013: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.
- 25/4/2013 - 31/12/2013: Ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

1.4. Ông Vũ Bá Ôn - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 26/3/1958
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực

Kinh nghiệm công tác:

- 02/1981 - 9/1985: Cán bộ kỹ thuật - Liên hiệp cung ứng Vật tư khu vực 4; Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Liên hiệp

- 10/1985 - 6/1988: Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương (đã từng giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật - QLK)

- 7/1988 - 6/1999: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Vật tư thứ liệu Hà Nội (sau là Công ty Kinh doanh Thép và Vật tư Hà Nội); Ủy viên BCH Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty

- 7/1999 - 3/2004: Phó giám đốc, Phó Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty Kinh doanh Thép và Vật tư Hà Nội (sau là Công ty Kim khí Hà Nội); Ủy viên BCH đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội, Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty Thép Việt Nam

- 4/2004 - nay: Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

(đã từng giữ các chức vụ: Chánh Văn phòng; Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty; Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty; Phó bí thư đảng ủy Cơ quan Tcty, Ủy viên Ban cán sự đảng Tổng công ty; Phó tổng giám đốc Tổng công ty; Ủy viên BTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Tổng công ty; từ tháng 4/2008 là Ủy viên BTV Công đoàn Tổng công ty)

+ 9/2010: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Tổng công ty

+ 8/2011: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- 9/2011 - 31/12/2013: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

1.5. Ông Nguyễn Minh Xuân - Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Sinh năm: 06/4/1958

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

- 1981 - 1986: Xưởng phó xưởng gia công chế biến vật tư - LHCUVT khu vực V

- 9/1986 - 12/1994: Phó giám đốc, Giám đốc, Đảng ủy viên Cty VTTL Đà Nẵng

- 12/1994 - 12/1996: Phó giám đốc - Công ty KK và VTTH miền Trung

- 01/1997 - 12/2003: Giám đốc Công ty VTTBCN (Công ty KD thép và TBCN)

- 01/2004 - 12/2005: Giám đốc Công ty KK TP. HCM, Phó bí thư Đảng ủy

- 01/2006 - 31/12/2013: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty CP KK TP. HCM, Bí thư Đảng ủy công ty

+ Từ 03/2007 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam (từ 9/2011 là Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP)

*** Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2013 và có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

- Ông Đặng Thúc Kháng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Lê Phú Hưng - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Nghiêm Xuân Đa - Ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách
- Ông Vũ Bá Ôn - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Xuân - Ủy viên Hội đồng quản trị

2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội. Ban Kiểm soát bao gồm 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên chuyên trách. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Tổng công ty.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP ngày 25/4/2013 và căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Tổng công ty, quỹ tiền lương cho ủy viên Ban kiểm soát chuyên trách và thù lao cho ủy viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm trong năm 2013 là: 981.019.200 đồng = 95,06% so với Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 thông qua.

Thành viên Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Tiến Thắng - Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Đỗ Hiếu Thuận - Ủy viên Ban Kiểm soát
- Ông Đỗ Văn Cường - Ủy viên Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Tráng - Ủy viên Ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Anh Tuấn - Ủy viên Ban Kiểm soát

2.1. Ông Nguyễn Tiến Thắng - Trưởng Ban Kiểm soát

- Sinh năm: 20/01/1956
- Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

- Từ tháng 8/1973 đến tháng 11/1977: Tham gia quân đội
- Từ tháng 12/1977 đến tháng 9/1978: Công tác tại Ủy ban Vật giá tỉnh Bắc Thái.
- Từ tháng 9/1978 đến tháng 2/1983: Sinh viên trường Đại học Kinh tế kế hoạch Hà Nội.
- Từ tháng 3/1983 đến tháng 11/1987: Công tác tại Ủy ban Vật giá tỉnh Bắc Thái. Từ tháng 9/1985 Phó Trưởng phòng Giá Tư liệu Tiêu dùng của UBVG tỉnh Bắc Thái.
- Từ tháng 12/1977 đến 12/1990: Công tác tại Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương. Là chuyên viên rồi Phó Trưởng phòng KTTV Công ty Vật tư thứ liệu Trung ương.
- Từ tháng 1/1991 đến tháng 9/1996: Phụ trách kế toán tại Xí nghiệp KDKT Vật tư thứ liệu - Tổng công ty Kim khí sau đó chuyển đổi thành xí nghiệp Dịch vụ Vật tư Tổng Công ty Thép Việt Nam. Là Phó Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp.
- Từ tháng 10/1996 đến tháng 8/2008: Ủy viên Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam.
- Từ Tháng 9/2008- 30/9/2011: Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động - Tổng công ty Thép Việt Nam, Đảng ủy viên Đảng ủy Tổng công ty.
- Từ 9/2011-31/12/2013: Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

2.2. Ông Đỗ Hiếu Thuận - Ủy viên Ban Kiểm soát

- Sinh năm: 01/02/1956
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:
 - Từ 1974 - 1978: Tham gia quân đội
 - Từ tháng 11/1978 - 1986: xuất ngũ, đi học ngoại ngữ tại Đại học Tổng hợp TP. HCM; Học viện quan hệ quốc tế Matxcova
 - Từ tháng 11/1987 - 11/1988: Tổng công ty xuất nhập khẩu khoáng sản
 - Từ tháng 12/1988 - 3/1991: Tổng công ty Kim khí
 - 4/1991 - 12/1997: Đại diện thương mại của Tổng công ty Thép VN tại Matxcova
 - 01/1998 - 31/12/2012: Tổng công ty Thép Việt Nam (11/2005: thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam).

- Từ 9/2011- 31/12/2012: thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

2.3. Ông Đỗ Văn Cường - Ủy viên Ban Kiểm soát

- Sinh năm: 17/4/1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh.
- Kinh nghiệm công tác:
 - 01/1999 - 8/2000: Kế toán tại Công ty Xe máy - xe đạp Thống Nhất.
 - 8/2000 - nay: Tổng công ty Thép Việt Nam (Chuyên viên phòng Tài chính kế toán; Từ 10/2005: Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam).
- 9/2011-31/12/2013: Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

2.4. Ông Nguyễn Văn Tráng - Ủy viên Ban Kiểm soát

- Sinh năm: 15/5/1958
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen
- Kinh nghiệm công tác:
 - 1984 - 1987: Nhà máy luyện thép Lưu Xá, Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 1987- 1988: Xí nghiệp XD Huyện Ứng Hoà, Hà Nội
 - 1988-1991: Xí nghiệp CKNN Huyện Ứng Hoà, Hà Nội
 - 11/1991 - 7/2006: Nhà máy luyện gang - Công ty Gang thép Thái Nguyên (đã từng đảm nhận các công việc: phó ca, trưởng ca, trạm trưởng, phó quản đốc, phó phòng kỹ thuật)
 - 7/2006 - 11/2007: Ban quản lý dự án Công ty Gang thép Thái Nguyên
 - 11/2007-31/12/2012: Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam
 - 9/2011-31/12/2012: Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

2.5. Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên Ban Kiểm soát

- Sinh năm: 21/12/1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

- 9/2002 - 3/2005: Ngân hàng Công Thương Việt Nam, cán bộ phòng định chế Tài chính và Ban QLDA hiện đại hoá

- 4/2005 - 10/2010: Ngân hàng Công Thương Việt Nam: đã giữ các chức vụ: Thư ký Tổng giám đốc, thư ký Hội đồng quản trị, Phó phòng Đầu tư, Trưởng ban trụ bị thành lập Công ty quản lý quỹ

- 11/2010 - nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH TMV Quản lý quỹ NHTMCP Công Thương Việt Nam.

+ 9/2011 - 31/12/2013: Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

* Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động đề triển khai công tác, cụ thể như sau:

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- Giám sát và tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty và các vấn đề quản lý, điều hành theo mô hình công ty cổ phần.

- Kiểm tra tình hình quản lý công nợ; giám sát công tác đầu tư, sửa chữa lớn; kiểm tra việc ký kết, thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hoá, giám sát một số chuyên đề về tài chính kế toán tại một số công ty con, công ty liên kết. Trong năm đã thực hiện kiểm soát trực tiếp tại một số đơn vị thuộc 7 Công ty con, Công ty liên kết.

- Kiểm tra tình hình thực hiện cơ chế và chính sách bán hàng, quản lý công nợ, quản lý chi phí, tình hình quản lý đầu tư, sửa chữa lớn, một số chuyên đề về tài chính kế toán tại các Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ. Trong năm đã thực hiện kiểm soát trực tiếp tại 8 đơn vị trực thuộc và bộ phận chức năng của Công ty mẹ.

- Giám sát kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2013 của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất của Tổng công ty.

- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2013.

Qua kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát đều có Báo cáo kết quả kiểm soát tại mỗi đơn vị và đã có ý kiến góp ý với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Tổng Công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán cổ phần hóa và trình Bộ Công thương thẩm định. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa được Bộ Công thương phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, do vậy Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có thể sẽ có thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 30 tháng 09 năm 2011.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang ghi nhận giá trị quyền sử dụng các lô đất xin giao đất có thu tiền sử dụng đất với tổng giá trị là 603.855.529.103 VND. Tính đến 31/12/2013, Tổng Công ty vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các lô đất này. Tổng Công ty đã có Công văn 1601/VNS-DDV ngày 31/12/2013 gửi Bộ Công thương về việc xin thay đổi phương án sử dụng đất từ giao đất sang thuê đất thời hạn 50 năm cho 03/05 lô đất. Do đó, giá trị các lô đất này có thể thay đổi khi Tổng Công ty được Bộ Công thương chấp thuận phương án hoặc được chính thức giao đất. Do đó, Tổng Công ty chưa xem xét việc trích khấu hao đối với các lô đất này. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 23).

- Theo Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực sẽ được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Tổng công ty không thực hiện phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa để bù trừ dần tiền thuê đất phát sinh. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 17).

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, Báo cáo tài chính của 05 công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các công ty liên kết, do các công ty này chưa công bố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

a) Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.552.600.085.741	10.247.634.189.532
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.277.608.395.309	2.397.672.839.572
111 1. Tiền		1.137.669.169.939	1.985.195.204.635
112 2. Các khoản tương đương tiền		139.939.225.370	412.477.634.937
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	401.398.339.339	166.295.728.386
121 1. Đầu tư ngắn hạn		408.069.093.639	166.295.728.386
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(6.670.754.300)	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.886.217.176.434	2.542.123.120.003
131 1. Phải thu khách hàng		2.023.361.427.729	2.163.640.823.958
132 2. Trả trước cho người bán		245.855.571.740	388.074.339.035
135 3. Các khoản phải thu khác	5	140.923.355.737	102.498.135.608
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(523.923.178.772)	(112.090.198.598)
140 IV. Hàng tồn kho	7	3.674.339.678.296	4.343.801.867.843
141 1. Hàng tồn kho		3.714.981.241.402	4.371.403.422.604
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(40.641.563.106)	(27.601.554.761)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		313.036.496.364	797.740.633.728
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	47.440.432.805	117.912.752.452
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		209.100.966.338	575.055.867.271
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	17.148.614.246	13.925.913.106
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	10	39.346.482.975	90.846.100.899
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.237.091.927.659	15.072.415.252.127
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		1.388.704.884	1.620.635.242
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng		9.016.308.733	5.043.778.434
218 4. Phải thu dài hạn khác		173.502.060	294.298.940
219 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(7.801.105.909)	(3.717.442.132)
220 II. Tài sản cố định		11.004.458.248.824	10.974.101.933.726
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.566.808.369.189	4.895.674.680.467
222 - Nguyên giá		10.344.421.208.862	10.161.690.835.779
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.777.612.839.673)	(5.266.016.155.312)
224 2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	37.892.486.200	-
225 - Nguyên giá		40.358.861.034	-
226 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.466.374.834)	-
227 3. Tài sản cố định vô hình	13	947.083.551.750	941.757.731.184
228 - Nguyên giá		1.018.177.377.774	1.010.841.271.649

229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(71.093.826.024)	(69.083.540.465)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.452.673.841.685	5.136.669.522.075
240	III. Bất động sản đầu tư	15	119.060.874.999	124.534.522.827
241	- Nguyên giá		142.081.153.049	141.623.274.876
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(23.020.278.050)	(17.088.752.049)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16	3.345.356.716.008	3.138.933.936.134
251	1. Đầu tư vào công ty con		84.197.460.002	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		3.230.329.116.350	2.907.696.575.092
258	3. Đầu tư dài hạn khác		65.183.082.374	240.147.183.420
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(34.352.942.718)	(8.909.822.378)
260	V. Tài sản dài hạn khác		764.689.995.485	821.154.633.200
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	749.165.494.680	806.816.504.660
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34.2	1.016.818.016	1.052.718.693
268	3. Tài sản dài hạn khác	18	14.507.682.789	13.285.409.847
269	VI. Lợi thế thương mại		2.137.387.459	12.069.590.998
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.789.692.013.400	25.320.049.441.659
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		15.529.103.756.741	17.703.599.890.088
310	I. Nợ ngắn hạn		10.549.263.485.422	12.446.188.886.515
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	19	7.921.216.001.933	8.723.713.493.086
312	2. Phải trả người bán		1.276.833.877.463	2.465.960.092.502
313	3. Người mua trả tiền trước		151.385.302.852	39.965.450.003
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	94.575.950.507	80.240.226.129
315	5. Phải trả người lao động		170.183.748.515	157.206.179.644
316	6. Chi phí phải trả	21	227.665.397.697	139.994.216.516
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	590.267.523.828	709.058.605.271
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		117.135.682.627	130.050.623.364
330	II. Nợ dài hạn		4.979.840.271.319	5.257.411.003.573
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	27.633.220
333	3. Phải trả dài hạn khác	23	643.214.872.647	621.562.366.064
334	4. Vay và nợ dài hạn	24	4.333.193.532.776	4.625.710.644.621
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.2	-	901.202.386
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		169.939.420	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		3.261.926.476	9.209.157.282
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.135.131.646.084	6.385.762.087.275
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	6.134.731.646.084	6.385.762.087.275
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		110.269.268.255	15.410.955.056
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(745.623.678)	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(2.603.866.266)	(2.603.866.266)

416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.735.104.565	2.929.210.151
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	35.517.537.676	32.235.509.482
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	4.093.203.499	3.244.426.276
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.057.486.565	808.435.595
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(798.591.464.532)	(446.262.583.019)
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	400.000.000	-
432	2. Nguồn kinh phí	400.000.000	-
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	1.125.456.610.575	1.230.687.464.296
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>22.789.692.013.400</u>	<u>25.320.049.441.659</u>

b) kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	26.922.421.108.273	29.213.368.231.954
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	352.891.963.836	123.371.484.607
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	26.569.529.144.437	29.089.996.747.347
11	4. Giá vốn hàng bán	29	25.188.142.424.731	27.624.045.629.841
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.381.386.719.706	1.465.951.117.506
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	153.055.872.456	293.156.848.811
22	7. Chi phí tài chính	31	825.897.970.401	1.295.784.850.427
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		738.101.688.863	1.240.385.965.680
24	8. Chi phí bán hàng		273.785.110.449	283.701.232.297
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.032.166.108.399	718.435.887.172
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(597.406.597.088)	(538.814.003.579)
31	11. Thu nhập khác	32	90.089.920.999	159.301.893.161
32	12. Chi phí khác	33	40.180.478.550	30.627.750.266
40	13. Lợi nhuận khác		49.909.442.449	128.674.142.895
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		226.127.609.059	94.273.500.598
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(321.369.545.580)	(315.866.360.086)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	23.375.904.091	27.027.929.377
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.2	(865.301.709)	462.080.772
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(343.880.147.962)</u>	<u>(343.356.370.235)</u>
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(86.758.378.258)	33.725.063.714
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		(255.121.769.704)	(377.081.433.949)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(376)	(556)

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		-	(315.866.360.686)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		-	573.651.757.918
03	- Các khoản dự phòng		-	55.094.802.349
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(10.715.004.706)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(197.895.310.510)
06	- Chi phí lãi vay		-	1.240.385.965.680
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		-	1.344.655.850.645
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		-	1.238.377.134.596
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		-	1.118.142.719.712
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		-	339.521.446.132
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		-	(210.515.796.279)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(1.323.826.396.668)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(29.263.599.731)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	247.522.579.130
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(497.795.445)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		-	2.724.116.142.092
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(1.408.300.316.778)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	16.390.949.752
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(4.089.458.769)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	222.389.536.036
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(286.737.723.783)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	36.872.276.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	246.250.818.375
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	(1.177.223.919.167)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	26.587.394.031.447
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(27.428.710.653.861)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(841.316.622.414)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		-	705.575.600.511
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.397.672.839.572	1.692.820.836.798
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(723.597.737)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.397.672.839.572	2.397.672.839.572

Tổng công ty thép Việt Nam - CTCP trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 460/UBCK-QLPH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của UBCK Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký thông tin đại chúng của Tổng công ty. Theo quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng, Tổng công ty thép Việt Nam - CTCP phải thực hiện công bố thông tin trên website của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các phương tiện thông tin đại chúng khác, các thông tin về Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP được cập nhật và công bố kịp thời trên website của Tổng công ty: www.vnsteel.vn/.

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2014

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để b/c);
- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Đảng ủy
- Chủ tịch HĐQT, các UV HĐQT;
- TGD, các P.TGD;
- Ban Kiểm soát;
- CĐ, ĐTN;
- Các Ban nghiệp vụ;
- Thư ký Tổng công ty;
- Lưu VT, HĐQT (NCh).

Đặng Thúc Kháng

Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 460/UBCK-QLPH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của UBCK Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký thông tin đại chúng của Tổng công ty. Theo quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng, Tổng công ty thép Việt Nam - CTCP phải thực hiện công bố thông tin trên website của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các phương tiện thông tin đại chúng khác, các thông tin về Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP được cập nhật và công bố kịp thời trên website của Tổng công ty: www.vnsteel.vn/.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2014

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Thúc Kháng

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để b/c);
- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Đảng ủy
- Chủ tịch HĐQT, các UV HĐQT;
- TGD, các P.TGD;
- Ban Kiểm soát;
- CD, ĐTN;
- Các Ban nghiệp vụ;
- Thư ký Tổng công ty;
- Lưu VT, HĐQT (NCh).